**Phụ lục I**

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025**

*(Kèm theo Công văn số: /SNV-CCVC ngày tháng 7 năm 2025 của Sở Nội vụ)*

| STT | Cơ quan | Số lượng người làm việc được giao năm 2025 | Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm tổng hợp nhu cầu | Số lượng người làm việc chưa sử dụng | Nhu cầu tuyển dụng viên chức năm 2024 | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng số nhu cầu | Tiếp nhận viên chức qua điều động | Tiếp nhận viên chức không qua thi, xét tuyển | Thi tuyển, xét tuyển | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **TỔNG CỘNG** | | | | **0** | **0** | | | | |
| **I** | **SỞ…..** | | | **0** | **0** | | | | |
| 2.1 | Trung tâm….. | | | **0** | **0** | | | | |
| 2.2 | Trung tâm….. | | | **0** | **0** | | | | |
| … | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

**Phụ lục II**

**ĐĂNG KÝ NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC THEO TRÌNH ĐỘ, CHUYÊN NGÀNH NĂM 2025**

*(Kèm theo Công văn số: /SNV-CCVC ngày tháng 7 năm 2025 của Sở Nội vụ)*

**Đơn vị: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

| STT | Cơ quan, tổ chức hành chính trực thuộc có nhu cầu tuyển dụng | Nhu cầu tuyển dụng | Vị trí việc làm | Mô tả những nội dung chính về vị trí việc làm cần tuyển dụng | Mã số (chức danh nghề nghiệp) | Yêu cầu về trình độ | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Chuyên môn | | |
| | | | | | | Trình độ | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| **A** | **THI TUYỂN, XÉT TUYỂN** | | | | | | | |
| 1 | **Ví dụ: Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật** | 1 | Diễn viên hạng IV | Đảm nhiệm tiết mục biểu diễn âm nhạc được phân công dưới sự chỉ dẫn của đạo diễn; Thực hiện nghiêm các quy trình nghiệp vụ trong luyện tập, sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn các tiết mục trên sân khấu… | V.10.04.15 | Trung cấp trở lên | Thanh nhạc hoặc chuyên ngành về âm nhạc | |
| 2 | Trung tâm…. | | | | | | | |
| … | | | | | | | | |
| **…** | | | | | | | | |
| **B** | **TIẾP NHẬN VIÊN CHỨC** | | | | | | | |
| **I** | **TIẾP NHẬN VIÊN CHỨC QUA ĐIỀU ĐỘNG** | | | | | | | |
| 1 | Trung tâm…. | | | | | | | |
| 2 | Trung tâm…. | | | | | | | |
| … | | | | | | | | |
| **…** | | | | | | | | |
| **II** | **TIẾP NHẬN VIÊN CHỨC KHÔNG QUA THI, XÉT TUYỂN** | | | | | | | |
| 1 | Trung tâm…. | | | | | | | |
| 2 | Trung tâm…. | | | | | | | |

| STT | Cơ quan, tổ chức hành chính trực thuộc có nhu cầu tuyển dụng | Nhu cầu tuyển dụng | Vị trí việc làm | Mô tả những nội dung chính về vị trí việc làm cần tuyển dụng | Mã số (chức danh nghề nghiệp) | Yêu cầu về trình độ | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Chuyên môn | | |
| | | | | | | Trình độ | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo | |
| … | | | | | | | | |
| **…** | | | | | | | | |
| | **Tổng số:** | | | | | | | |

**Tổng số nhu cầu tuyển dụng:** **chỉ tiêu./.**